TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/HNGĐ – ST
Ngày: 10-8-2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn."

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Nam Anh Chinh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nay Winh;
2. Bà Ksor H'séo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Không.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2026/TLST – HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2026, về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2026/QĐXXST – HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1987.
Số CCCD: 024087023834.
Địa chỉ: Thôn I, xã C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị Ân N, sinh năm 1990.
Số CCCD: 066.190.023.287.
Địa chỉ: Thôn T, xã B, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay; nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Hoàng Thị Ân N qua tìm hiểu sau đó chúng tôi tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61/2021, ngày 31/3/2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn chúng tôi sinh sống tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai, được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, suy nghĩ, quan điểm sống, nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Tôi và chị N đã ly thân không sống chung được hơn 01 năm nay. Nay tôi nhận thấy mâu thuẫn hôn

nhân của chúng tôi đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Hoàng Thị Ân N.

Về con chung: Tôi và chị N có 01 con chung tên là Hoàng Nhật A (Giới tính: Nam), sinh ngày 26/9/2021; hiện đang ở với tôi. Sau khi ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu A, tôi không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con cùng tôi, vì tôi có khả năng nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Hoàng Thị Ân N: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Toà án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do; chị có đơn xin vắng mặt tất cả các buổi hòa giải, xin xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến:

Tôi và anh H kết hôn năm 2021 tại UBND thị trấn C, tỉnh Gia Lai.

Thời gian đầu hai vợ chồng sống có hạnh phúc, sau đó càng ngày xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau nên chúng tôi đã ly thân với nhau hơn 01 năm đến nay. Nay tôi thấy không còn hạnh phúc, chúng tôi không còn gì với nhau nên xin ly hôn với anh H.

Tôi và anh H có 01 con chung là Hoàng Nhật A, sinh ngày 26/9/2021; hiện con đang ở với anh H. Sau ly hôn tôi yêu cầu giao con cho anh H nuôi. Tôi không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh H.

Về tài sản chung vợ chồng: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Trong vụ án này, nguyên đơn đã giao nộp chứng cứ gồm:

- 01 Giấy kết hôn, 01 Giấy khai sinh (Bản sao), 02 Căn cước công dân (Bản phô tô).

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Các bên thống nhất xin ly hôn; thống nhất giao con chung cho anh H nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất. Không.

*** Ý kiến và đề nghị của Viện kiểm sát.** Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

*** Đối với tài liệu, chứng cứ của vụ án:** Trong vụ án này, các đương sự đã giao nộp chứng cứ đúng theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 23/3/2026, nguyên đơn là anh Hoàng Văn H có đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn chị Hoàng Thị Ân N và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của anh H đúng quy định, chị N có nơi cư trú tại Thôn T, xã B,

tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân khu vực 11 – Gia Lai đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Xét về nội dung vụ án: HĐXX xét thấy, anh Hoàng Văn H và chị Hoàng Thị Ân N kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61/2021, ngày 31/3/2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vì vậy, hôn nhân giữa anh H và chị Nghĩa L hợp pháp, được pháp luật công nhận; Hôn nhân giữa anh H và chị N thời gian gần đây thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, xô xát, do tính tình cũng như quan điểm sống không hợp nhau dẫn đến việc hiện hai vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay, mỗi người ở mỗi nơi, không ai quan tâm chăm sóc ai. Nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị N và chị N cũng đồng ý được ly hôn với anh H. Sau khi ly hôn, anh H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Nhật A (Vì hiện nay cháu đang ở với anh H); anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh và chị N cũng đồng ý. Hội đồng xét xử thấy xét thấy tình cảm của anh H và chị N không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xét cần chấp nhận cho anh H được ly hôn với chị N. Xét cần giao cháu Hoàng Nhật A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

[3] Về án phí: Anh Hoàng Văn H chịu án phí DSST về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016, ngày 30/12/2016 của UBTVQH và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và 266 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.
- Áp dụng khoản 1 Điều 9; Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn H.

1. Xử cho anh Hoàng Văn H được ly hôn với chị Hoàng Thị Ân N.
2. Giao cháu Hoàng Nhật A (Giới tính: N1), sinh ngày 26/9/2021 cho anh Hoàng Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có

khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị Hoàng Thị Ân N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó."

3. **Về án phí:** Buộc anh Hoàng Văn H phải chịu án phí DSST về Ly hôn là 300.000đ; Số tiền 300.000đ anh H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003762, ngày 16/4/2026, của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai được chuyển thành án phí DSST – Ly hôn để nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án (Bị đơn có quyền kháng cáo kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ) lên Tòa án Nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

"Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025."

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;*
- *VKSND khu vực 11, tỉnh Gia Lai;*
- *P. THA dân sự khu vực 11, tỉnh Gia Lai;*
- *Các đương sự;*
- *Nơi ĐKKH;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Dương Nam Anh Chinh

Tại phiên tòa hôm nay, anh S (Bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định khoản 2 Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Đình S.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Nam Anh Chinh

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ ngày thụ lý cho đến thời điểm xét xử và tại phiên tòa cơ bản là đúng và đủ theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 70; Điều 144; Điều 147; 264; 266; 267; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Xử cho chị Trần Thị Tường V được ly hôn với anh Nguyễn V1.

- Giao cháu U và Đ cho chị V được trực tiếp được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh V1 không phải cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị V.